

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KẾ SÁCH
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **144/2022/DS-ST**
Ngày 30 tháng 9 năm 2022
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Diệu

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Sơn
Ông Lâm Sơn

- Thư ký phiên tòa: Bà Lý Thị Tư, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách tham gia phiên tòa: Bà Bùi Mỹ Tiên-Kiểm sát viên

Ngày 30 tháng 9 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” thụ lý số 231/2022/TLST-DS, ngày 25 tháng 7 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 311/2022/QĐXXST-DS, ngày 29 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 229/2022/QĐST-DS, ngày 14 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Q; địa chỉ: **Tầng 1 (tầng trệt) và Tầng 2 Tòa nhà S, Số XX, phường B, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh,**

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Ngô Thanh V, chức vụ: Cán bộ Ngân hàng Q, địa chỉ: Tầng 6, Tòa nhà P, Số YY, Phường H, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (theo văn bản ủy quyền ngày 12/10/2021)

Bị đơn: Ông Trần Minh N và bà Nguyễn Thị D, cùng địa chỉ: ZZ, Ấp M, xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng

NỘI DUNG VỤ ÁN :

Trong đơn khởi kiện ngày 12/10/2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, **cũng như tại phiên tòa sơ thẩm**, đại diện nguyên đơn là ông Ngô Thanh V trình bày:

Vào ngày 27/12/2018, giữa Ngân hàng Q-Phòng Giao dịch Trần Hưng Đạo (nay đổi tên thành Phòng Giao dịch Nam Kỳ Khởi Nghĩa) với ông Trần Minh N, bà

Nguyễn Thị D có thỏa thuận ký Hợp đồng tín dụng số 2018.0514.HĐTD.676 với nội dung: Ngân hàng cho ông N, bà D vay số tiền 460.000.000 đồng; mục đích vay: Thanh toán tiền mua ô tô tiêu dùng; thời hạn vay 60 tháng; lãi suất tại thời điểm giải ngân là 9,5%/năm (có điều chỉnh theo thời gian được nêu rõ trong hợp đồng); lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; hình thức thanh toán: Theo phân kỳ hàng tháng trả gốc và lãi (số tiền gốc phải trả mỗi kỳ là 7.667.000 đồng; số còn lại trả vào kỳ cuối). Ngân hàng đã giải ngân xong.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông N, bà D đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và lãi phát sinh, hiện nay ông N, bà D còn nợ của Ngân hàng vốn gốc là 237.657.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày 30/9/2022 là 53.183.555 đồng (lãi trong hạn 15.547.973 đồng và lãi quá hạn 37.635.582 đồng), tổng cộng là 290.840.555 đồng.

Nay Ngân hàng Q yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Trần Minh N, bà Nguyễn Thị D phải trả số tiền còn nợ là 290.840.555 đồng; đồng thời tiếp tục tính lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng cho đến khi hoàn thành nghĩa vụ trả nợ.

Đối với bị đơn ông Trần Minh N và bà Nguyễn Thị D, Tòa án đã tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của pháp luật, nhưng ông N, bà D không đến tham dự, cũng không có ý kiến trả lời hoặc cung cấp lời khai cho Tòa án.

Ý kiến của Viện Kiểm sát: Kiểm sát viên tham gia phiên tòa nhận xét về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án nhìn chung đều thực hiện đúng theo các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự; đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc đòi bị đơn phải trả vốn, lãi và lãi phát sinh theo thỏa thuận hợp đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :

[1] Ông Trần Minh N và bà Nguyễn Thị D là bị đơn trong vụ án mặc dù đã được Tòa án triệu tập họp lệ để tham dự phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử, theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu bị đơn thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng, xét thấy hợp đồng tín dụng số 2018.0514.HĐTD.676 ngày 27/12/2018 giữa Ngân hàng với ông N, bà D đều được ký bởi người đại diện hợp pháp của bên cho vay là Ngân hàng với bên vay là ông N, bà D; các bên tham gia hợp đồng có đủ năng lực hành vi dân sự, trên cơ sở tự nguyện, các thỏa thuận có nội dung và mục đích thực hiện với nhu cầu lợi nhuận của mỗi bên, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội; hình thức của hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó, hợp đồng tín dụng có hiệu lực buộc các bên phải thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình quy định tại hợp đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng, bên cho vay là Ngân hàng đã giải ngân, ông N, bà D đã

nhận đủ số tiền vay theo đúng hợp đồng, như vậy Ngân hàng đã thực hiện đúng nghĩa vụ của mình theo hợp đồng; việc ông N, bà D không thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng là vi phạm nghĩa vụ trả nợ do các bên thỏa thuận; do vậy việc khởi kiện của Ngân hàng yêu cầu buộc ông N, bà D thanh toán nợ của hợp đồng với tổng số tiền 290.840.555 đồng (gồm nợ gốc 237.657.000 đồng, tiền lãi 53.183.555 đồng tính đến ngày xét xử) và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng từ ngày 01/10/2022 cho đến khi ông N, bà D trả hết nợ, là có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, được chấp nhận.

[4] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[5] Về quyền kháng cáo của đương sự được thực hiện theo quy định tại các Điều 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH :

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 228, 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 280, 288, 357, 463, 466 và 468 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ các Điều 90, 91, 94 và 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Căn cứ các Điều 7, 8 và Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Căn cứ Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; buộc ông Trần Minh N và bà Nguyễn Thị D có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng Q số tiền 290.840.555 (*hai trăm chín mươi triệu tám trăm bốn mươi nghìn năm trăm năm mươi lăm*) đồng (bao gồm nợ gốc 237.657.000 đồng, tiền lãi trong hạn 15.547.973 đồng và lãi quá hạn 37.635.582 đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ

gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về án phí: Ông Trần Minh N và bà Nguyễn Thị D phải chịu 14.542.028 (mười bốn triệu năm trăm bốn mươi hai nghìn không trăm hai mươi tám) đồng; Ngân hàng Q không phải chịu án phí và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.214.000 (sáu triệu hai trăm mười bốn nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 00039XX ngày 21/7/2022 của **Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Sóc Trăng**.

3. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện Kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách-ST;
- Chi cục THA dân sự huyện K-ST;
- Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng (để BC);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Diệu